



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM
BẢN TIN THAN NGÀY

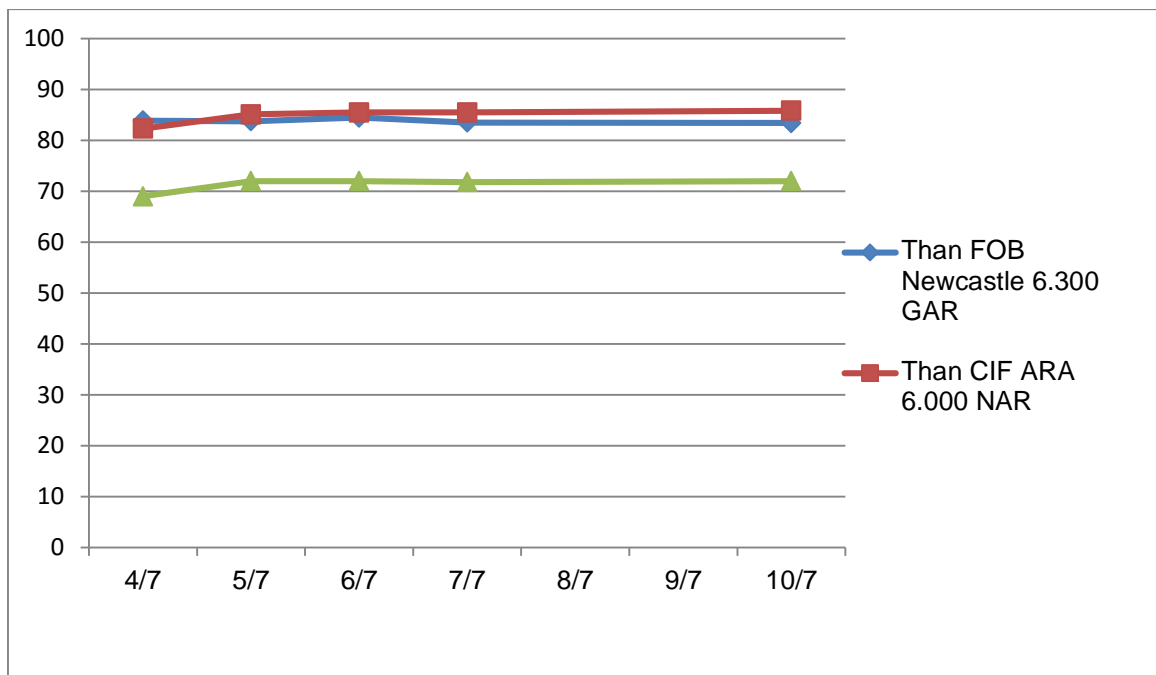
Ngày 14/07/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	83,40	-0,10	82,90	+ 0,10
CIF ARA 6.000 NAR	85,85	+0,35	84,00	- 0,20
FOB Richards Bay 5.500 NAR	72,00	+ 0,20	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	71,00	+ 0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	55,25	+ 0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	45,60	- 0,20	310,15	-0,09
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	61,00	- 0,30	414,90	- 0,34
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	74,70	+ 0,20	508,08	+ 3,42

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/07/2017)

DIỂM TIN

Ngành khai thác mỏ ở châu Âu tiếp tục suy thoái

Các công ty khai thác mỏ châu Âu tiếp tục gặp khó khăn do giá khoáng sản khôi phục chậm chạp ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư, trong khi các quy định về môi trường tác động tiêu cực đến các nước sản xuất than. BMI Research hôm thứ 5 cho biết giá khoáng sản khó có thể hồi phục hoàn toàn trong các quý tới, nguyên nhân chính là nhu cầu giảm từ Trung Quốc do suy thoái kinh tế ở nước này. Ngoài ra, triển vọng tăng trưởng trong 5 năm tới của 2 nước khai thác mỏ lớn là Ukraine và Nga không khả quan cũng sẽ cản trở phát triển khai thác mỏ toàn khu vực. Tập đoàn Fitch cho biết: "Các công ty khai thác mỏ sẽ thận trọng hơn trong thời gian tới và tập trung vào việc cải thiện bảng cân đối tài chính, bảo toàn trước khả năng biến động giá hơn là đầu tư vào các dự án xây dựng mới".

Một trong những thách thức lớn nhất đối với các công ty khai thác mỏ trong vài năm tới là các quy định về môi trường của EU. BMI cảnh báo ngành than sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng do đóng góp đáng kể trong tổng lượng khí thải carbon toàn cầu và vai trò ngày càng tăng của các nguồn năng lượng tái tạo. Ủy ban châu Âu muốn giảm sự phụ thuộc của EU vào các NMNĐ nhằm hạn chế mức độ ô nhiễm - dựa trên các mục tiêu phát thải năm 2020 và 2030 của EU, cũng như các cam kết về khí hậu đã được thống nhất tại Hội nghị thượng đỉnh về khí hậu của LHQ tại Paris vào năm 2015. Tuy nhiên, BMI cho biết các nước Đông Âu đã có những hành động đi ngược lại các cam kết này. Cụ thể, đầu năm 2017 chính phủ Ba Lan công bố sẽ góp vốn vào các NMNĐ để bổ sung thêm 10 GW công suất điện đến năm 2025. Trong khi đó, BMI coi Phần Lan và Thổ Nhĩ Kỳ là những "ngôi sao tăng trưởng" trong ngành khai thác mỏ của khu vực. Ngành công nghiệp khai thác mỏ của Thổ Nhĩ Kỳ sẽ được hưởng lợi từ cam kết của chính phủ đưa Thổ Nhĩ Kỳ trở thành 1 trong 10 nền kinh tế lớn nhất thế giới vào năm 2030. Để thúc đẩy đầu tư vào ngành khai khoáng, Thổ Nhĩ Kỳ đã tăng tỷ lệ trong quỹ đầu tư cho ngành năng lượng và khai thác khoáng sản 7% lên 6,7 tỷ Liras (gần 1,9 tỷ USD) để phát triển 6 dự án mới. Chính phủ Phần Lan cũng đã giành khoản đầu tư 266 triệu USD để khôi phục hoạt động khai thác niken. Tuy nhiên ngành khai thác mỏ của Nga lại đang suy thoái do giá than bán ra giảm, môi trường pháp lý nghiêm ngặt và rủi ro chính trị cao.

Các nước châu Á sở hữu nhiều NMNĐ nhất thế giới

Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia và Việt Nam là những nước sở hữu nhiều NMNĐ đang xây dựng nhất trên thế giới, chiếm 82% trong tổng số 718 NMNĐ đang xây dựng trên toàn cầu. Cụ thể, Trung Quốc 384 nhà máy, Ấn Độ 149 nhà máy, Indonesia và Việt Nam lần lượt có 34 và 24 nhà máy, các nước còn lại sở hữu 129 NMNĐ. Trong số các NMNĐ đang được lên kế hoạch, Trung Quốc có 795 nhà máy, Ấn Độ có 297 nhà máy, Indonesia có 87 và Việt Nam có 56 nhà máy, các nước còn lại có 504 nhà máy. Sản lượng nhiệt điện của Trung Quốc đã giảm từ năm 2013 và nhiều NMNĐ cũ sắp bị đóng cửa. Trong khi đó, Ấn Độ đang bổ sung thêm 15-20 GW công suất nhiệt điện hàng năm, mặc dù một số dự án nhiệt điện trong giai đoạn 2010-2015 đã bị hủy bỏ. Tuy nhiên cả 2 quốc gia này đang phải đối mặt với tình trạng ô nhiễm do phụ thuộc vào nhiệt điện. Ấn Độ đã áp dụng thuế phát thải carbon lên than để hạn chế tác động đến môi trường, động thái này dự kiến sẽ ảnh hưởng đến quyết định đầu tư xây dựng NMNĐ mới.

Doanh thu của Banpu dự kiến tăng thêm 20%

Giám đốc điều hành của Banpu, bà Somrudee Chaimongkol cho biết dự kiến doanh thu năm 2017 của công ty sẽ tăng thêm 20% từ 2,26 tỷ USD (76,9 tỷ baht) trong năm 2016 nhờ giá than toàn cầu tăng. Bà Somrudee cho biết mặc dù nhiều quốc gia đã phát triển các dự án năng lượng tái tạo trong 2 năm qua, nhưng nhu cầu về nhiệt điện vẫn đang tăng lên, chính điều này đã giúp Banpu tăng doanh thu. Công ty dự đoán giá bán trung bình ở mức 63 USD/tấn trong năm nay, tăng 20% so với năm 2016 ở mức 51,50 USD, đẩy doanh thu từ việc kinh doanh than tăng cao mặc dù khối lượng than bán

ra không quá chênh lệch. Banpu cũng đã đồng ý ký 1 hợp đồng bán 21 triệu tấn than trả trước. Trong đó 60% khối lượng được trả giá cố định để đảm bảo doanh thu.

Bà Somrudee cho biết sẽ có nhiều thương vụ sát nhập và mua lại doanh nghiệp than ở Úc, và xu hướng này sẽ tăng lên trong thời gian tới. Trong khi đó nhu cầu từ các NMNĐ của Trung Quốc được dự kiến sẽ cao hơn trong năm tới do các hồ thủy điện phải xả bớt nước để ngăn ngừa lũ lụt, điều này buộc các nhà máy thủy điện lớn phải ngừng hoạt động. Mặc dù hầu hết các thành phố lớn đang chuyển sang sử dụng năng lượng sạch hơn từ các nguồn tái tạo nhưng than vẫn rất cần thiết cho sản xuất điện tại Trung Quốc. Để phục vụ nhu cầu từ Trung Quốc, Banpu đang đàm phán để mua thêm 1 mỏ than Indonesia nhưng từ chối cung cấp chi tiết. Ngoài ra Banpu cũng đang thực hiện kế hoạch mở rộng trữ lượng mỏ than hiện có ở Indonesia lên khai thác 15 năm, từ 11 năm trước đó, kế hoạch này có thể nâng tổng sản lượng than của công ty lên 375 triệu tấn. Trong phiên giao dịch ngày hôm qua, cổ phiếu của Banpu đạt 16 baht, với tổng giá trị thương mại 946 triệu baht.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn
				Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	5,50	+ 0,00
	Queensland	Nhật Bản	6,30	+ 0,00
	New South Wales	Hàn Quốc	6,55	+ 0,00
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	10,45	+ 0,10
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	7,00	- 0,20
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	10,70	+ 0,10
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	5,95	- 0,20
	Úc	Trung Quốc	9,55	+ 0,10
	Úc	Ấn Độ	10,80	+ 0,15

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 10/07/2017)